



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

(UTXICO)



***SÓC TRĂNG, NGÀY 20/04/2013***



## **I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**

### **1. Những sự kiện quan trọng:**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**
- Tên giao dịch đối ngoại: Utxi Aquatic Products Processing Corporation
- Logo: 
- Vốn điều lệ: 295.000.000.000 đồng
- Điện thoại: (84-079) 3852676 – 3852952;
- Fax: (84-079) 3852676 – 3852952 – 3852670;
- Website: [www.utxi.com.vn](http://www.utxi.com.vn);
- Email: [utxi@hcm.vnn.vn](mailto:utxi@hcm.vnn.vn);
- Trụ sở: Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam;
- Giấy phép kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2200203836 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15 tháng 6 năm 2006, thay đổi lần thứ 13, ngày 03/10/2011.

Tiền thân Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi là doanh nghiệp tư nhân hoạt động chính trong lĩnh vực mua bán tôm nguyên liệu cho các nhà máy thủy sản trong và ngoài tỉnh Sóc Trăng.

Năm 2002, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi chính thức đi vào hoạt động với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh các mặt hàng thủy sản xuất khẩu.

Ngày 15/06/2006, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi chính thức chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi theo Giấy đăng ký kinh doanh số 5903000042 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 15/06/2006.

Là thành viên của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi là đơn vị đầu tiên của tỉnh Sóc Trăng sản xuất theo mô hình khép kín từ nuôi trồng đến chế biến và kinh doanh.



“Trụ sở chính công ty”

**Các chi nhánh trực thuộc:**

**(1). Xí nghiệp Chế biến thủy sản Hoàng Phương:**

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



**Giới thiệu tổng quan Xí nghiệp chế biến Hoàng Phương:**

Công suất thiết kế 10.000 tấn thành phẩm/năm, công suất vận hành hiện tại 60-75%, công nhân sản xuất hiện tại 1.000 công nhân.

Vốn đầu tư: 101.699 triệu đồng, đưa vào hoạt động đầu năm 2004.

Thông tin về Xí nghiệp:



- Xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phương có 7.144m<sup>2</sup> mặt bằng sản xuất được bố trí linh hoạt cho nhiều dây chuyền chế biến. Được hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2003 với trang thiết bị hoàn toàn mới. Công suất xí nghiệp khoảng 10.000 tấn thành phẩm / năm.
- Phần lớn thiết bị chính được nhập khẩu từ Nhật Bản, Mỹ và Châu Âu do Searefico – đơn vị hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực thiết bị lạnh công nghiệp chế biến thủy sản – lắp đặt như:
  - + Hệ thống 03 dàn cân điện tử ANRITSU nhập khẩu nguyên đai nguyên kiện từ Nhật Bản với công suất 20.000 con/giờ/máy có khả năng phân thành 7 đến 12 cỡ với độ chính xác +/- 0.1gr.
  - + Hệ thống 03 tủ đông gió có khả năng cấp đông 900kg thành phẩm/giờ.
  - + Hệ thống 02 tủ đông tiếp xúc có công suất 1,6 tấn thành phẩm/mẻ.
  - + Hệ thống 02 băng chuyền IQF siêu tốc lạnh và luộc công suất 1 tấn thành phẩm/giờ.
  - + Một băng chuyền IQF xoắn tiên tiến nhập khẩu trực tiếp từ FMC Thụy Điển có khả năng cấp đông nhiều loại sản phẩm cao cấp với công suất 450kg/giờ.
  - + 05 máy làm đá vảy chuyên dùng có thể sản xuất 100 tấn đá vảy/ngày.
  - + 07 máy rà kim loại chuyên dụng nhãn hiệu Anritsu và Ishida của Nhật.
  - + Hệ thống kho lạnh có công suất 650 tấn đảm bảo khả năng trữ lạnh ổn định ở nhiệt độ -20 °C +/- 2.
  - + Hệ thống máy phát điện dự phòng gồm 2 máy CUMIN công suất 1.041KVA nhập khẩu từ Mỹ được hòa đồng bộ, đảm bảo nguồn cung cấp điện ổn định cho sản xuất.
  - + Hệ thống khai thác và xử lý nước cấp đảm bảo cung cấp nước đủ tiêu chuẩn dùng trong chế biến thủy sản xuất khẩu với công suất 1.200m<sup>3</sup> / ngày đêm.
  - + Ngoài ra còn nhiều thiết bị hỗ trợ khác được trang bị đồng bộ đảm bảo khả năng chế biến từ những mặt hàng đơn giản như tôm sú còn vỏ bỏ đầu đông block đến những mặt hàng cao cấp như tôm duỗi, tôm xiên que, tôm tẩm bột, tôm hấp chín, tôm Sushi....
  - + Nhà máy có hệ thống xử lý nước thải 1.000m<sup>3</sup>/ ngày đêm.



**(2). Xí nghiệp Chế biến thủy sản Hoàng Phong:**

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



**Giới thiệu tổng quan Xí nghiệp chế biến Hoàng Phong:**

Công suất thiết kế 10.000 tấn thành phẩm/năm, công suất vận hành hiện tại 70-80%, công nhân sản xuất hiện tại: 1.100 công nhân.

Vốn đầu tư: 127.047 triệu đồng, đưa vào sử dụng đầu năm 2007.

Thông tin về Xí nghiệp:

- Xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phong là xí nghiệp chế biến tôm đông lạnh hiện đại nhất Việt Nam hiện nay. Được hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2006, xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phong là nhà máy hiện đại nhất, là niềm tự hào của toàn công ty về tính hiện đại, hợp lý hóa sản xuất và công suất chế biến với hệ thống kho lạnh khoảng 600 tấn. Công suất xí nghiệp khoảng 10.000 tấn/năm
- Một số thiết bị tiêu biểu của xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phong:
  - + Hệ thống máy nén MYCOM gồm 10 máy thế hệ mới nhất với tổng công suất 1.367 kw nhập khẩu nguyên đai nguyên kiện từ Nhật Bản.
  - + Hệ thống 03 dàn cân điện tử ANRITSU nhập khẩu nguyên đai nguyên kiện từ Nhật Bản với công suất 20.000 con/giờ/máy có khả năng phân thành 7 đến 12 cỡ với độ chính xác +/- 0.1gr.
  - + 03 băng chuyền IQF siêu tốc phẳng dùng để cấp đông các sản phẩm lạnh và luộc công suất 1,7 tấn thành phẩm/giờ.
  - + 02 băng chuyền IQF xoắn siêu tốc dùng để cấp đông các mặt hàng cao cấp như Nobashi, tôm bao bột... công suất 1 tấn thành phẩm/giờ.
  - + Hệ thống đông gió (Airplast Freezer) chuyên dụng cho các sản phẩm IQF bao gồm 09 tủ liên hoàn với công suất 3,1 tấn thành phẩm /mê.



- + Hệ thống đông gió (Airplast Freezer) chuyên dụng cho các sản phẩm block bao gồm 06 tủ liên hoàn với công suất 2,2 tấn thành phẩm /mê.
- + Hệ thống máy hấp để chế biến các loại tôm ăn ngay như tôm PTO hấp, PD hấp và Sushi có công suất 1,5 tấn/ giờ.
- + 05 máy làm đá vảy chuyên dùng có thể sản xuất 150 tấn đá vảy/ngày.
- + 05 máy rà kim loại chuyên dụng nhãn hiệu Anritsu của Nhật.
- + Hệ thống kho lạnh có công suất 350 tấn đảm bảo khả năng trữ lạnh ổn định ở nhiệt độ -220C +/- 2.
- + Hệ thống máy phát điện dự phòng có công suất 1.370KVA được hòa đồng bộ, đảm bảo nguồn cung cấp điện ổn định cho sản xuất.
- + Hệ thống khai thác và xử lý nước cấp đảm bảo cung cấp nước đủ tiêu chuẩn dùng trong chế biến thủy sản xuất khẩu với công suất 1.500m3 / ngày đêm.
- + Bên cạnh đó công ty còn đầu tư thêm một phòng kiểm nghiệm hiện đại có khả năng kiểm tra dư lượng kháng sinh theo phương pháp ELISA, kiểm tra vi sinh... theo những yêu cầu khắt khe của những thị trường khó tính như Nhật, Châu Âu và Mỹ.
- + Nhà máy xử lý nước thải công suất 1.500m3/ngày đêm.

Dây chuyền sản xuất được trang bị mới 100%, thiết bị đồng bộ và được đầu tư mới từ đầu, áp dụng những tiêu chuẩn quản lý tiên tiến cùng với đội ngũ công nhân lành nghề, là lợi thế của Công ty Út Xi so với các đơn vị khác.

Tất cả máy móc thiết bị được theo dõi dựa trên lý lịch máy, cơ chế vận hành, kế hoạch bảo trì thể hiện các bản chỉ dẫn trước máy được quản lý bởi đội ngũ cơ điện chuyên nghiệp.

### **(3). Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã:**

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.





Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã là kho lưu trữ hàng thành phẩm và nguyên liệu với công suất 4.500 tấn, ở nhiệt độ âm 30+/-2 °C.

Vốn đầu tư: 43.743 triệu đồng, đưa vào sử dụng dãy 3.000 tấn năm 2005 và dãy 1.500 tấn sử dụng đầu năm 2008, tổng nhân sự 82 nhân sự.

Một số máy móc thiết bị Xí nghiệp:

- Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã được xây dựng hoàn thành vào cuối năm 2004, công suất thiết kế trữ hàng 3.000 tấn, với hệ thống kệ di động hiện đại, thiết bị làm lạnh nhập từ nước ngoài, nhiệt độ trong kho đảm bảo âm 30 °C +/-2.
- Năm 2007 Công ty đầu tư mở rộng hệ thống kho lạnh Hoàng Nhã thêm 1.500 tấn và đưa vào sử dụng vào quý 2/2008 tăng khả năng trữ hàng cho 03 xí nghiệp sản xuất vào thời điểm trái vụ.
- Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã được trang bị hệ thống kệ di động rất thuận tiện cho quá trình nhập xuất hàng; cùng với 05 xe nâng hàng chuyên dùng kết hợp với phần mềm quản lý kho chi tiết cho từng vị trí từng mặt hàng trong kho tạo điều kiện tốt nhất với thời gian nhanh nhất trong quá trình nhập xuất hàng.
- Ngoài ra Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã được trang bị: 11 xe đông lạnh với tổng tải trọng có thể giao hàng cùng thời điểm là 88 tấn, 08 xe vận chuyển nguyên liệu với tổng tải trọng vận chuyển 30 tấn nguyên liệu.

#### **(4). Xí nghiệp Nuôi trồng thủy sản:**

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



## **2. Quá trình phát triển:**

### **+ Ngành nghề kinh doanh:**

- Nuôi trồng, chế biến và mua bán thủy sản xuất nhập khẩu;
- Sản xuất, mua bán con giống thủy sản các loại;



- Mua bán hóa chất, thức ăn phục vụ nuôi trồng thủy sản,
- Sản xuất nước đá, cho thuê kho chứa hàng và vận chuyển hàng hóa;
- Đầu tư cơ sở hạ tầng và kinh doanh bất động sản.

#### **+ Tình hình hoạt động:**

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi chính thức hoạt động từ năm 2002 và có lãi từ năm thứ 2. Doanh thu và lợi nhuận qua các năm điều tăng, cụ thể: Doanh thu năm 2007, 2008, 2009, 2010, 2011 và năm 2012 là 928,77 tỷ đồng, 873,99 tỷ đồng và 1.294,03 tỷ đồng, 1.637,89 tỷ đồng, 1.423,11 tỷ đồng và 1.427,44 tỷ đồng tương ứng với lợi nhuận: 16,04 tỷ đồng, 6,03 tỷ đồng và 28,46 tỷ đồng, 37,4 tỷ đồng, 8,65 tỷ đồng và 5,89 tỷ đồng. Sau 11 năm hoạt động (từ 2002 -2012), Công ty Cổ phần chế biến Thủy sản Út Xi đã đạt được những danh hiệu trong sản xuất kinh doanh sau:

- Cờ thi đua của Chính phủ tặng Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua trong hai năm 2005, 2006.
- Bộ thương mại tặng bằng khen về thành tích xuất khẩu xuất sắc năm 2005, 2006.
- Bằng khen của Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam về thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh và đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển cộng đồng doanh nghiệp năm 2005.
- Bằng khen của Bộ Y tế về thành tích bảo vệ và chăm sóc sức khỏe người lao động trong năm 2001 – 2005.
- Năm 2006, Công ty đạt danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc (giải pháp về thị trường xuất khẩu tốt nhất) và doanh nghiệp đạt “ thương hiệu vàng chất lượng” năm 2006. Và doanh nghiệp 3 năm liền xuất khẩu uy tín năm 2004, 2005, 2006.
- Đạt thương hiệu xanh năm 2008 và 2009 do liên hiệp các khoa học kỹ thuật Việt Nam chứng nhận.
- Đạt giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2007, 2008.
- Được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen cho cá nhân Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty.
- Và nhiều bằng khen khác của UBND tỉnh Sóc Trăng, các Bộ, ngành Trung ương và các Ban ngành cấp tỉnh cho tập thể và cá nhân trong Công ty.
- Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi đã đạt danh hiệu “thương hiệu chứng khoán uy tín” năm 2009 và 2010.

### **3. Định hướng phát triển:**

#### **+ Mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

Đa dạng hoá sản phẩm, tập trung vào các sản phẩm có giá trị gia tăng cao là chiến lược kinh doanh của Công ty. Ngoài những sản phẩm cao cấp đang sản xuất thường xuyên cho các thị trường Nhật Bản, Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc, Hồng Kông, v.v., như tôm tươi, tôm hấp chín, tôm xiên que, Nobashi, tôm tẩm bột thông thường, Sushi, v.v.. theo yêu cầu của thị trường; công ty đã cơ bản hoàn thành việc lập qui trình chế biến và thống nhất qui cách với khách hàng để giới thiệu một số mặt hàng mới ra thị trường như:

- **Thị trường Châu Âu** : Ngoài các mặt hàng truyền thống hiện đa cung cấp, Công ty Út Xi tiếp tục nghiên cứu một số mặt hàng có giá vị và phối trộn: Tôm xê bướm





tầm bột dừa, Tôm xiên que tầm gia vị với nhiều vị khác nhau như : Tôm xiên que tầm gia vị hương tỏi, Tôm xiên que tầm gia vị hương chanh,v.v...

- **Thị trường Mỹ:** Bánh tôm bao bột kiểu Châu Á, Tôm bao bánh tráng rế, Bắp cải cuộn nhân tôm, Khô qua nhồi tôm.v.v...
- **Thị trường Hồng Kông:** Hoàn thánh nhân tôm, Nấm đông cô nhồi tôm, v.v..

Công ty cũng đang phối hợp với khách hàng Ai Cập, T&T cùng nghiên cứu giới thiệu thêm một số mặt hàng mới khác cho các thị trường này.

#### **+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng chuỗi sản phẩm phẩm tinh chế có giá trị cao vào các thị trường Nhật, Mỹ, Châu Âu, v.v... tăng tính cạnh tranh mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Đơn vị.

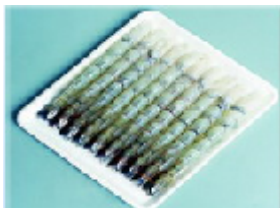
Tiếp tục cung cấp sản phẩm giá trị gia tăng cho các thị trường truyền thống, đồng thời kết hợp với các nhà phân phối lớn nghiên cứu sản phẩm đáp ứng theo thị hiếu tiêu dùng từng thị trường và vùng miền trên thế giới.

Xây dựng, phát triển mạng lưới phân phối chuỗi siêu thị, nhà hàng ở Mỹ thông qua Công ty T&T INTERNATIONAL SEAFOOD ở Hoa Kỳ.

Đầu tư và mở rộng vùng nuôi tôm theo mô hình GAP vừa tạo nguồn nguyên liệu sạch cung ứng cho công tác chế biến vừa bảo vệ môi trường không gây hại cho cộng đồng.

#### **Một số sản phẩm tiêu biểu của Công ty:**

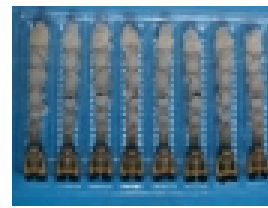
##### **❖ Dòng sản phẩm tôm NOBASHI**



**Nobashi EBI**



**Nobashi EBI**



**Nobashi EBI**

##### **❖ Dòng sản phẩm tôm tươi**





Raw Butterfly

Raw HLSO

Raw HLSO EZ PEEL

❖ Dòng sản phẩm tôm xiên que



Double Piercing Pto Skewer



Single Piercing PD Skewer

❖ Dòng sản phẩm tôm phối trộn

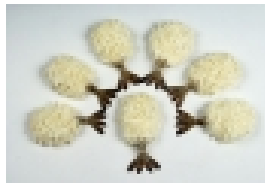


Shrimp Paste Covered With Cabbage

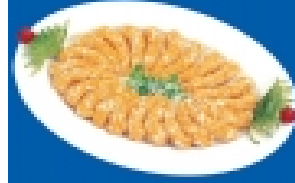


Shrimp Paste With Bitter Melon

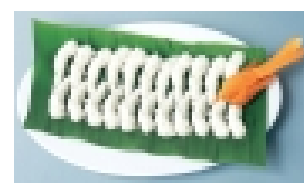
❖ Dòng sản phẩm tôm tẩm bột



Breaded Butter Fly



Breaded PD Color



Breaded PD White



Breaded PTO Curve

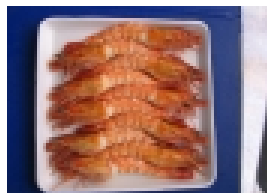


Breaded PTO Straight



Coconut Breaded Butterfly

❖ Dòng sản phẩm tôm hấp chín



Cooked HOSO



Cooked PD



Cooked PTO



Cooked whole shrimp



Cooked whole shrimp



Sushi EBI

## **II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:**

Năm 2012, Hội đồng quản trị đã đề ra nhiều định hướng, các giải pháp hỗ trợ cho Ban điều hành công ty trong việc chỉ đạo sản xuất kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cao nhất, cụ thể như:

1. Tích cực đưa sản phẩm mang thương hiệu UTXICO vào các thị trường mới thông qua mối quan hệ với khách hàng truyền thống, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm công ty tại thị trường Hoa Kỳ, Công ty đạt chứng nhận ACC đơn vị đủ điều kiện cung ứng sản phẩm vào chuỗi siêu thị ở Mỹ.
2. Tăng cường việc thu mua và dự trữ nguyên liệu đảm bảo đủ chất và số lượng cung cho chế biến xuất khẩu trong thời gian ngoài vụ mùa, tạo việc làm ổn định cho cán bộ công nhân viên của Công ty.
3. Giữ vững và nâng cao các hệ thống quản lý chất lượng đã được chứng nhận như: ISO 9001: 2000, ISO 1400: 2004, ISO 22000: 2005, BRC phiên bản 4, IFS hiện đang áp dụng tại công ty, nhằm đảm bảo giữ vững các thị trường truyền thống và tạo sự an tâm cho các khách hàng ở các thị trường khác đáp ứng được xu hướng hiện nay.
4. Tích cực tìm nguồn bổ sung cho kế hoạch tài chính của công ty, thông qua mối liên kết với các Ngân hàng thương mại ở địa bàn tỉnh, nhằm đáp ứng cho nhu cầu thu mua nguyên liệu và mở rộng công tác sản xuất, tăng sản lượng xuất khẩu nhằm khai thác tối đa công suất 20.000 tấn thành phẩm ở hai Xí nghiệp chế biến Hoàng Phương và Hoàng Phong.
5. Đối với nguồn nguyên liệu: Công ty chủ động ký kết các hợp đồng tiêu thụ nguyên liệu với các trang trại, hộ nuôi tôm và hợp đồng với các doanh nghiệp thu mua ở các tỉnh lân cận. Đảm bảo đủ nguyên liệu cho lực lượng lao động ở công ty duy trì từ 2.000 đến 2.500 công nhân sản xuất liên tục trong thời gian ngoài vụ mua.
6. Tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng sản xuất các mặt hàng từ tôm thẻ thay thế tạm thời tôm sú phục vụ nhu cầu thực phẩm ngày càng tăng trong tương lai.
7. Xem xét kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từng quý, đồng thời đưa ra phương hướng và biện pháp thúc đẩy tăng trưởng hoạt động trong năm. Xem xét và đánh giá việc thực hiện công tác điều hành của Tổng giám đốc và cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
8. Chỉ đạo kịp thời chiến lược kinh doanh cho từng giai đoạn khó khăn của từng thị trường, thay đổi cơ cấu sản xuất từ mặt hàng tôm sú sang mặt hàng tôm sú và tôm thẻ đáp ứng nhu cầu thu nhập và thị hiếu tiêu dùng ở các nước nhập khẩu.
9. Bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực cho bộ máy quản trị cấp cao và cấp trung đáp ứng nhu cầu quản trị sản xuất trong tình hình mới.



Tích cực tham gia điều hành hoạt động, chỉ đạo kịp thời theo xu hướng thị trường, năm 2012 là năm rất khó khăn của nền kinh tế nước nhà, rất nhiều doanh nghiệp trên tất cả các lĩnh vực đang đứng trước bờ vực phá sản. Đặc biệt đối với thị trường chế biến thủy sản, các doanh nghiệp xuất khẩu gặp rất nhiều khó khăn gần như không gượng nổi trong năm qua như: tình hình khan hiếm nguyên liệu do dịch bệnh kéo dài, mất mùa liên tiếp; khủng hoảng nợ công ở các nước Châu Âu chưa giải quyết xong, kinh tế thế giới phát triển chững lại nên người tiêu dùng dè dặt trong chi tiêu hàng ngày; cùng với chính sách bảo hộ nhà sản xuất trong nước, các nước nhập khẩu đưa ra nhiều rào cản kỹ thuật như vi sinh, kháng sinh, chống phá giá, trợ giá, v.v... Đó là lực cản lớn đến hoạt sản xuất kinh doanh của Công ty. Với quyết tâm cao của HĐQT và Ban tổng giám đốc trong năm qua không đạt so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông giao cho nhưng cũng đạt kết quả tương đối tốt, cụ thể:

Năm 2012, doanh thu đạt 1.427 tỷ đồng đạt 75,11% so với kế hoạch tăng 0,28% so với năm 2011. Tổng lợi nhuận trước thuế của Công ty là 5,26 tỷ đồng đạt 16,36% so với kế hoạch.

Nhìn chung năm 2012 hiệu quả kinh doanh không đạt theo kế hoạch nghị quyết đại hội đồng cổ đông giao. Nhưng kết quả kinh doanh đạt 5,26 tỷ đồng lợi nhuận là nỗ lực lớn trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế nước nhà và thị trường xuất khẩu. Tuy nhiên bằng sự vận thân và sự nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo, cán bộ quản lý và công nhân, nhân viên công ty, tạo nền tảng vững vàng hơn trong việc triển khai và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị trong năm 2013 và cho các năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị sẽ phát huy tốt nhất vai trò của mình trong việc đại diện cho cổ đông công ty chỉ đạo và giám sát xuyên suốt quá trình thực hiện kế hoạch theo phương hướng năm 2013 và các năm tiếp theo, thực hiện tốt nhất những nội dung được Đại hội đồng cổ đông quyết định nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông và sự phát triển của công ty trong thời gian tới.

### III. Báo cáo của Ban tổng giám đốc:

#### 1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2011	Năm 2012
<b>1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>			
Chỉ số thanh toán hiện hành	Lần	1,015	1,051
Chỉ số thanh toán nhanh	Lần	0,41	0,42
<b>2. Chỉ số về cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	77,57	76,39
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	22,43	23,61
<b>3. Chỉ số về cơ cấu nguồn vốn</b>			
Tổng nợ / Tổng nguồn vốn	%	79,29	75,39
Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn	%	20,71	24,61
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất LNS.thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	0,55	0,37



Tỷ suất LNS.thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,21	1,47
Tỷ suất LNS.thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0,46	0,36
<b>5. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu</b>	<b>Đồng</b>	<b>266</b>	<b>179</b>

- Tổng giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2012 là: 1.455.439.451.876 đồng.

- Cơ cấu cổ đông tại ngày 20/04/2013:

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phần	Số tiền theo mệnh giá (1.000 đồng)	Tỷ lệ
1. Cổ đông Nhà Nước	0	0	0	0,00%
2. Cổ đông là pháp nhân:	11	8.208.264	82.082.640	27,83%
3. Cổ đông là cá nhân:	368	21.291.736	212.917.360	72,17%
<b>Tổng cộng</b>	<b>379</b>	<b>29.500.000</b>	<b>295.000.000</b>	<b>100,00%</b>

- Cổ phiếu ưu đãi: 0,00 cổ phần;
- Cổ phiếu phổ thông: 29.500.000 cổ phần;  
 + Cổ phiếu đang lưu hành: 29.500.000 cổ phần;
- Cổ tức dự kiến chia năm 2012: Không chia.

## 2. Kế hoạch phát triển trong tương lai: Mục tiêu phát triển năm 2013

- Năm 2012 là năm chứng kiến đà phát triển mạnh sau hơn một năm nền kinh tế thế giới vượt qua cuộc khủng hoảng, người dân trên thế giới bắt đầu chi tiêu cho tiêu dùng nhiều hơn, cuộc sống được cải thiện hơn. Tạo ra cơ hội mới trong hoạt động cung cấp thực phẩm chế biến từ thủy sản trên thị trường quốc tế.
- Từ sự chuyển biến tốt của thị trường thực phẩm thủy sản, cùng với cơ hội phát triển chung của nền kinh tế thời giới, Hội đồng quản trị Công ty kỳ vọng năm 2013 là năm hoạt động sản xuất kinh doanh rất thuận lợi, tạo đà tăng trưởng cho các năm tiếp theo.
- Chính những điều kiện trên, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Số tiền	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu dự kiến:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>1.894.535</b>	
	- Doanh thu xuất khẩu: 86.000.000 usd	Tr.đồng	1.793.100	20.850 đ/usd
	- Doanh thu nội địa và doanh thu khác:	Tr.đồng	101.435	
<b>2</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế dự kiến:</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>36,32</b>	
<b>3</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu dự kiến:</b>	<b>Đồng</b>	<b>1.231</b>	
<b>4</b>	<b>Lợi tức dự kiến chia dự kiến:</b>	<b>%</b>	<b>10 - 15%</b>	



**Kế hoạch thực hiện:**

**\*. Về Kế hoạch huy động nguồn vốn, phục vụ cho yêu cầu phát triển Công ty:**

- Căn cứ theo kế hoạch kinh doanh năm 2013 được Hội đồng quản trị thông qua sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 18/05/2013, Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc huy động mọi nguồn lực về vốn và tài sản, cộng với việc huy động các khoản vay tín dụng đã được các Ngân hàng và tổ chức tín dụng khu vực tỉnh Sóc Trăng đồng ý trên kế hoạch, sẽ góp phần vào công tác thu mua nguồn nguyên liệu đáp ứng nhu cầu kế hoạch chế biến và xuất khẩu trong năm 2013.

**\*. Củng cố, sắp xếp lại công tác tổ chức và kiểm soát tốt chi phí sản xuất:**

- Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc sẽ sắp xếp tổ chức bộ máy quản trị sản xuất cho phù hợp với tình hình phát triển mới. Tinh gọn bộ máy quản lý, bố trí phù hợp từng vị trí trong hoạt động sản xuất hướng đến quản trị hiệu quả trong công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ cho từng hoạt động sản xuất, chảnh những lãng phí không cần thiết từng bước nâng cao công tác quản trị sản xuất mang lại lợi ích cho Đơn vị, góp phần hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2013 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**\*. Tăng sản lượng, tăng mặt hàng và thị trường xuất khẩu, tiếp tục triển khai kế hoạch tiêu thụ mạnh sản phẩm UTXICO tại thị trường nội địa:**

- Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung các thiết bị phụ trợ trong dây chuyền sản xuất của Xí nghiệp Hoàng Phương và XN Hoàng Phong, nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm và tăng năng suất cũng như sản lượng, đồng thời đảm bảo chế biến những mặt hàng mới theo yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm mang thương hiệu UTXICO ngay tại thị trường nội địa. Qua các năm doanh thu nội địa tăng rất mạnh, cùng với cơ cấu lợi nhuận trên doanh thu khá cao (từ 10% đến 15%) và ít rủi ro. Nó sẽ góp phần rất lớn trong tổng thu nhập của Công ty nếu khai thác tốt thị trường này.
- Mở rộng thị trường xuất khẩu: Ngoài những thị trường truyền thống hiện nay như: Nhật, các nước Châu Âu, Úc – Công ty đang hướng ra thị trường các nước Đông Âu, Châu Á, Trung quốc và các nước Ả Rập – dựa trên sản phẩm đa dạng, chất lượng và sản lượng xuất khẩu của Công ty trong tương lai. Tăng cường đẩy mạnh các sản phẩm sang thị trường Mỹ, do tại đây đã có đối tác là Công ty T&T sẽ tổ chức việc tiêu thụ sản phẩm UTXICO tại các siêu thị, Nhà hàng, v.v. . tại Hoa kỳ.

**\*. Xây dựng vùng nguyên liệu và thu mua nguyên liệu phục vụ cho sản xuất:**

- + Tập trung vào các vùng nuôi hiện nay do Phòng Đầu tư theo dõi quản lý, xây dựng các ao nuôi thí điểm: phục vụ cho việc áp dụng các tiêu chuẩn GAP cho vùng nuôi.



- + Liên kết 3 nhà: Hộ nuôi tôm – Ngân hàng – Công ty, trong đó: Ngân hàng sẽ tiếp cận với các hộ nuôi tôm, thông qua giới thiệu của Công ty, sau khi thẩm định sẽ đầu tư vốn, thức ăn, con giống (có chọn lọc), Công ty tổ chức kỹ sư đến các hộ nuôi để tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ về mặt kỹ thuật - tổ chức thu mua sản phẩm; các hộ nuôi lo ao nuôi, trực tiếp nuôi tôm và có nghĩa vụ hoàn vốn và lãi cho Ngân hàng.
- + Tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, nhằm ngăn chặn kịp thời dư lượng chất kháng sinh theo qui định, kiểm soát hơn nữa Ethoxyquin ở thị trường Nhật và các thị trường khó tính khác.
- + Dự kiến được tình hình thiếu hụt nguồn nguyên liệu chính là: tôm sú do mất mùa và sụt giảm gần 60% diện tích ao nuôi tôm sú trong tỉnh chuyển sang nuôi tôm thẻ; Công ty đã có kế hoạch chuyển đổi sang một số loại nguyên liệu khác như: tôm thẻ, các loại tôm biển, thông qua việc triển khai các mẫu sản phẩm mới theo nguồn nguyên liệu đã chuyển đổi, chào hàng và đã nhận được những hợp đồng mới từ phía khách hàng, trên cơ sở đó đại diện Công ty đã ký hợp đồng với một số đơn vị ở khu vực miền trung cung cấp nguyên liệu cho Công ty trong thời gian tới.

Những khó khăn từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới vẫn còn, cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu leo thang cùng với lạm phát tăng cao ở những tháng đầu năm sẽ tạo ra khó khăn trong tiếp cận nguồn vốn vay và chi phí sử dụng vốn tăng lên. Công ty chúng ta sẽ còn khó khăn trong năm 2013. Nó sẽ tác động trực tiếp đến quá trình phát triển cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh trong thời gian tới. Nhưng sự nỗ lực và quyết tâm cao Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên, công ty sẽ đạt và vượt kế hoạch đã đề ra.

#### **IV. Báo cáo tài chính năm 2012:**

Báo cáo tài chính năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính và Kế toán Phía Nam (AASCS):



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **Công ty**

Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5903000042 cấp lần đầu ngày 15/06/2006 và thay đổi lần thứ mười ba ngày 10/03/2011 số 2200205836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 295.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 295.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng.

**Công ty có các đơn vị thành viên sau:**

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ:</b>
- Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản Út Xi	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phương	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xí nghiệp kho vận Hoàng Nhã	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phong	Tỉnh lộ 8, ấp Hà Bò, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
- Văn phòng đại diện	Số R2 - 48 Đại lộ Bùi Bằng Đoàn, khu Hưng Gia 4 Phú Mỹ Hưng, Q7, TP. HCM

01172  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 CHẾ BIẾN  
 THỦY SẢN  
 ÚT XI  
 SÓC TRĂNG

### **Kết quả hoạt động**

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 5.269.951.568 VND (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 7.851.467.205 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 12.945.372.230 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 là 9.374.694.602 VND).

### **Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông :	Nguyễn Triệu Đồng	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên
Ông :	Trương Văn Phước	Thành viên
Ông :	Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên
Bà :	Mai Thị Hồng Nga	Thành viên
Bà :	Lý Bích Quyên	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông :	Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông :	Trương Văn Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông :	Nguyễn Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà :	Lý Bích Quyên	Phó Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
*Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, Trần Đề, Sóc Trăng*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**Các thành viên Ban Kiểm soát**

Ông : Trần Văn Bửu	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông : Lê Thanh Sơn	Thành viên BKS
Ông : Lê Phước Sang	Thành viên BKS

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trong yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Thay mặt Hội đồng Quản trị  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
  
 Nguyễn Triệu Đông

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 03 năm 2013

TM. Ban Giám đốc  
 Tổng Giám đốc  
  
 Nguyễn Tuấn Anh



Số: *KT*/2013/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo Tài chính năm 2012  
 của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi*

**Kính gửi:**

- **Cổ đông Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi**
- **Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi**
- **Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi được lập ngày 18/03/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 6 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Út Xi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Tp Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3, năm 2013*

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
 Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**



**Đỗ Khắc Thanh**  
 Chứng chỉ KTV số: D.0064/KTV

**Kiểm toán viên**

*Dương Thị Quỳnh Hoa*

**Dương Thị Quỳnh Hoa**  
 Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.111.869.285.240</b>	<b>1.327.832.262.365</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>5.203.440.434</b>	<b>13.533.944.424</b>
1. Tiền	111		5.203.440.434	13.533.944.424
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>2</b>	<b>64.112.249.809</b>	<b>135.566.929.392</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		64.112.249.809	135.927.469.392
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	(360.540.000)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>349.976.135.046</b>	<b>380.167.021.558</b>
1. Phải thu khách hàng	131		249.782.687.984	334.650.989.004
2. Trả trước cho người bán	132		87.834.221.050	40.158.729.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	3	18.647.879.210	11.765.955.323
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(6.288.653.198)	(6.408.653.198)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4</b>	<b>669.542.440.219</b>	<b>790.595.718.989</b>
1. Hàng tồn kho	141		669.542.440.219	790.595.718.989
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.035.019.732</b>	<b>7.968.648.002</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.336.023.639	7.325.358.898
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	5	4.319.861.865	141.387.052
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	6.379.134.228	501.902.052
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>343.570.166.636</b>	<b>383.894.263.940</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

01/172  
 CÔNG TY  
 NÁCH HIỆM SỬ  
 VỤ KẾ T  
 QUẢN KẾ T  
 VÀ RIEM TỬ  
 11 NĂM  
 TP. HỒ C



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>297.027.516.551</b>	<b>334.309.279.825</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	248.468.267.342	225.500.706.880
- Nguyên giá	222		360.705.421.445	317.853.371.462
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(112.237.154.103)	(92.352.664.582)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	37.011.613.618	47.390.247.478
- Nguyên giá	228		37.250.223.513	47.600.223.513
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(238.609.895)	(209.976.035)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	11.547.635.591	61.418.325.467
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>45.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	10	45.000.000.000	45.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.542.650.085</b>	<b>4.584.984.115</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.538.394.322	4.584.984.115
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	4.255.763	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b><u>1.455.439.451.876</u></b>	<b><u>1.711.726.526.305</u></b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2012	01/01/2012
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.097.345.256.529</b>	<b>1.357.203.008.586</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.057.951.224.955</b>	<b>1.308.411.910.252</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	1.001.744.340.552	1.259.232.191.735
2. Phải trả người bán	312		42.344.866.066	34.071.536.960
3. Người mua trả tiền trước	313		363.223.680	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.255.477.065	862.415.311
5. Phải trả công nhân viên	315		6.232.719.750	4.783.120.999
6. Chi phí phải trả	316	14	1.529.889.209	1.116.376.567
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	1.682.175.519	1.452.296.566
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành	323	18.5	2.798.533.114	6.893.974.114
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>39.394.031.574</b>	<b>48.791.098.334</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	39.394.031.574	48.260.910.065
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	17	-	530.188.269
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>18</b>	<b>358.094.195.347</b>	<b>354.523.517.719</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>358.094.195.347</b>	<b>354.523.517.719</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		295.000.000.000	295.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		44.733.727.273	44.733.727.273
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		734.574.319	734.574.319
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.680.521.525	4.680.521.525
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-





CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012		01/01/2012	
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.945.372.230		9.374.694.602	
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-		-	
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-		-	
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-		-	
1. Nguồn kinh phí	432		-		-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-		-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.455.439.451.876</b>		<b>1.711.726.526.305</b>	

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

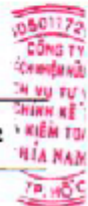
Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhân gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khế đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		55.498,3	500.265,31
- EUR		241,1	252,02
- CAD		192,2	253
- AUD		238,36	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu  
  
 Võ Quốc Bình

Kế toán trưởng  
  
 Đỗ Thành Nhơn

Tổng Giám đốc  
  
 Nguyễn Tuấn Anh





CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	1.450.279.019.900	1.443.548.356.656
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		22.843.063.408	20.436.666.926
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>1.427.435.956.492</b>	<b>1.423.111.689.730</b>
4. Giá vốn hàng bán	20	1.253.056.577.022	1.266.605.421.698
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>174.379.379.470</b>	<b>156.506.268.032</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	21.850.360.951	51.190.223.937
7. Chi phí tài chính	21	120.016.629.949	135.232.633.118
- Trong đó: chi phí lãi vay		118.257.314.726	111.010.297.297
8. Chi phí bán hàng		58.262.771.220	53.674.546.004
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		12.282.431.235	13.049.297.715
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>5.667.908.017</b>	<b>5.740.109.132</b>
11. Thu nhập khác	19.3	17.776.965.803	2.974.713.698
12. Chi phí khác	22	17.546.785.830	62.390.365
<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>230.180.973</b>	<b>2.911.952.333</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>5.898.088.990</b>	<b>8.652.057.466</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	1.162.581.454	270.401.992
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24	(534.444.032)	530.188.269
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>5.269.951.568</b>	<b>7.851.467.205</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	179	266

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu  
  
 Võ Quốc Bình

Kế toán trưởng  
  
 Đỗ Thành Nhơn

Tổng Giám đốc  
  
 Nguyễn Tuấn Anh





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.515.231.502.982	1.416.508.132.897
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.236.270.563.332)	(1.669.653.864.086)
3. Tiền chi trả cho người lao động		(69.573.385.140)	(65.680.047.963)
4. Tiền chi trả lãi vay		(115.065.826.031)	(109.875.437.899)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.038.261.037)	(1.600.433.375)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		150.611.939.900	445.337.672.970
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(105.033.751.573)	(254.270.916.428)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>137.861.653.769</b>	<b>(239.234.893.884)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.143.828.623)	(4.337.658.595)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		15.000.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(7.998.230.000)	(65.100.465.666)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		76.608.860.210	69.217.611.923
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.094.494.882	7.700.192.333
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>80.561.276.469</b>	<b>7.479.679.295</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.244.950.926.073	4.079.188.016.297
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.471.721.635.792)	(3.814.391.486.990)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(28.901.173.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(226.770.729.719)</b>	<b>235.895.356.307</b>





CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)  
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(8.347.797.481)	4.140.141.718
Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.533.944.424	9.393.802.706
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		17.293.491	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm		5.203.440.434	13.533.944.424

Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Võ Quốc Bình

Kế toán trưởng

Đỗ Thành Nhơn

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tuấn Anh





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2012*

### **I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công Ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5903000042 cấp lần đầu ngày 15/06/2006 và thay đổi lần thứ mười ba ngày 10/03/2011 số 2200203836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 295.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 295.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

- Xây dựng nhà các loại;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Bán huôn thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Bán huôn rau, quả;
- Bán buôn thực ăn và nguyên liệu làm thực ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

### **II Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty**

#### **1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

#### **2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

##### **2.1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

##### **2.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### **2.3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2012*

### **3. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **3.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

##### *Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền*

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### *Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác*

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

#### **3.2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **3.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

**3.3.1. Nguyên tắc ghi nhận:** Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

**3.3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

#### **3.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 30 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 10 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	05 - 25 năm

#### **3.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2012*

### **3.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lợi kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

*Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:*

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

### **3.6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

### **3.7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất đồng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **3.8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Năm 2012*

**3.9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

**3.10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quy

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh đo áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**3.11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2012*

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **3.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **3.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### **3.14. Công cụ tài chính**

#### ***3.14.1. Tài sản tài chính***

*Theo Thông tư 219, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:*

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán: là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2012*

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

### **3.14.2. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

*Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:*

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, công hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

*Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.*

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

5011725  
 CÔNG TY  
 KHÊM HỮU  
 TÀI SẢN  
 (CHẾ KẾ)  
 KIỂM TOÁN  
 (TÀI SẢN)  
 TP. HỒ CHÍ MINH



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

III. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	3.063.815.413	2.178.476.288
Tiền gửi ngân hàng	2.139.625.021	11.355.468.136
Tiền gửi VND	968.479.351	914.326.020
Tiền gửi ngoại tệ	1.171.145.670	10.441.148.116
Các khoản tương đương tiền	-	-

**Ghi chú:**

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2012 khớp với biên bản kiểm kê thực tế.
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2012 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

**Tổng cộng** **5.203.440.434** **13.533.944.424**

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2012 VND		01/01/2012 VND	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>2.1 Đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>		<b>7.000.000.000</b>		<b>13.612.500.000</b>
- CK đầu tư ngắn hạn (Trái phiếu)		7.000.000.000		9.000.000.000
+ Trái phiếu NH NN&PT NN VN-CN Sóc Trăng		7.000.000.000		7.000.000.000
+ Trái phiếu Tổng Cty Tài Chính Dầu Khí VN		-		2.000.000.000
- CK đầu tư ngắn hạn (Cổ phiếu)		-		4.612.500.000
+ Công Ty CP Thực Phẩm Sao Ta	429.490	-	429.490	4.612.500.000
<b>2.2 Đầu tư ngắn hạn khác (Tiền gửi có kỳ hạn)</b>		-		-
Trong đó:				
- Ngân Hàng Phát Triển Việt Nam - CN Sóc Trăng		-		-
+ Ngân Hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Sóc Trăng		-		-
+ Ngân Hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Sóc Trăng		-		-
+ TCTy CP Tài Chính Dầu Khí VN - CN Cần Thơ		-		-
<b>2.3 Đầu tư ngắn hạn khác</b>		<b>57.112.249.809</b>		<b>122.314.969.392</b>
<b>2.3.1. Đầu tư ngắn hạn khác (trại tôm)</b>		<b>52.512.249.809</b>		<b>52.314.969.392</b>
Trong đó:				
+ Công Ty TNHH Thanh Bình	10.789.763.223	10.789.763.223	10.789.763.223	10.789.763.223
+ Huỳnh Thị Mai	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	3.568.040.833
+ Lê Hoàng Nam	3.610.653.632	3.610.653.632	3.610.653.632	3.610.653.632
+ DNTN Phương Hà	4.153.331.767	4.153.331.767	4.153.331.767	4.153.331.767
+ Trần Đức Hợi	59.737.951	59.737.951	59.737.951	59.737.951
+ Trần Văn Chiêu	227.564.792	227.564.792	227.564.792	227.564.792
+ DNTN Vĩnh Thuận	4.422.878.688	4.422.878.688	4.422.878.688	4.422.878.688
+ Nguyễn Minh Điền	-	-	-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

+ Nguyễn Văn Xem	5.158.054.905	5.158.054.905
+ Nguyễn Văn Hải	5.255.375.000	5.255.375.000
+ Lâm Hoàng Khiêm	4.622.325.000	4.622.325.000
+ Lê Tuấn Kiệt	4.510.267.500	4.510.267.500
+ Võ Văn Sáng	4.727.860.000	4.727.860.000
+ Lê Hoàng Lâm	318.591.147	318.591.147
+ Nguyễn Văn Lục	366.166.504	366.166.504
+ Công Ty TNHH Vĩnh Phú	300.487.700	300.487.700
+ Hòa Long Anh	2.998.250.000	
2.3.2. Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)	4.600.000.000	70.000.000.000
Trong đó:		
+ Công Ty TNHH Minh Châu	4.600.000.000	5.000.000.000
+ Cty CP ĐT & PT Đô Thị Dầu Khí Cửu Long	-	65.000.000.000
2.4 Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)	-	(360.540.000)
Trong đó:		
- Công Ty CP Thực Phẩm Sao Ta	-	(360.540.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>64.112.249.809</b>	<b>135.566.929.392</b>

**Ghi chú:**

Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị công ty số 179/BBHQQT.01 Ngày 02/05/2012, Công ty sẽ tiến hành chào bán các loại trái phiếu đang sở hữu nhằm mục đích tái cơ cấu nguồn vốn Công ty. Do đó, các khoản đầu tư này được phân loại ở chỉ tiêu đầu tư tài chính ngắn hạn.

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
1. Phải thu về cổ phần hóa	18.647.879.210	11.765.955.323
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu về lao động	-	-
4. Phải thu khác	18.647.879.210	11.765.955.323

Chi tiết số dư khoản mục phải thu khác tại ngày 31/12/2012 là:

+ Công Ty TNHH Minh Châu	1.937.410.001
+ Công ty CP ĐT và PT Đô Thị Dầu Khí Cửu Long	
+ Ông Nguyễn Văn Lục	850.000.000
+ Ông Nguyễn Văn Xem	938.765.993
- Bà Huỳnh Thị Mai	3.602.724.166
- Công Ty TNHH Thành Bình	1.963.736.907
+ Công Ty TNHH MTV Vy Khang	2.145.000.000
+ Các đối tượng khác	7.210.242.143
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.647.879.210</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

**4. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Giá gốc của hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	1.697.839.110	4.013.242.634
- Công cụ, dụng cụ	6.421.101.752	7.245.290.201
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.696.210.490	4.207.210.506
- Thành phẩm	658.727.288.867	775.129.975.648
- Hàng hoá		
- Hàng gửi đi bán		
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
- Hàng hóa bất động sản	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>669.542.440.219</b>	<b>790.595.718.989</b>

**5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước:	4.319.861.865	141.387.052
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu	31.220.600	31.220.600
+ Thuế xuất, nhập khẩu	4.183.281.626	110.166.452
+ Thuế TNCN	105.359.639	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.319.861.865</b>	<b>141.387.052</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

**6.1. Tạm ứng**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Tổng cộng</b>	<b>381.388.518</b>	<b>501.902.052</b>
<b>Chi tiết số dư khoản mục phải thu tạm ứng tại ngày 31/12/2012 là:</b>		
Trong đó:		
+ Tô Quốc Bảo	7.500.000	
+ Lê Mỹ Duyên	18.000.000	
+ Nguyễn Văn Lạc	70.838.518	
+ Lê Thanh Sơn	87.500.000	
+ Hòa Thành	130.000.000	
+ Các đối tượng khác	67.550.000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>381.388.518</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2012*

**6.2. Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Ký quỹ tại Ngân hàng Ngoại thương Sóc Trăng (288.090 USD)</i>	<u>5.997.745.710</u>	<u>-</u>
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>5.997.745.710</b></u>	<u><b>-</b></u>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Tỉnh lỵ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2012

**7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCD khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1. Số dư đầu năm	154.906.067.522	141.017.485.513	13.205.276.706	2.826.013.999	5.898.527.722	317.853.371.462
2. Số tăng trong năm	26.113.744.493	23.900.950.349	5.421.350.254	-	-	55.436.045.096
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm	-	23.900.950.349	5.421.350.254	-	-	29.322.300.603
- Đầu tư XDCN hoàn thành	26.113.744.493	-	-	-	-	26.113.744.493
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	7.650.000.000	4.102.495.113	831.500.000	-	-	12.583.995.113
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	7.650.000.000	4.102.495.113	831.500.000	-	-	12.583.995.113
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	173.369.812.015	160.815.940.749	17.795.126.960	2.826.013.999	5.898.527.722	360.705.421.445
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	35.850.420.696	44.779.457.902	7.320.462.007	1.985.434.541	2.416.889.376	92.352.664.582
2. Khấu hao trong năm	10.104.100.281	12.369.446.856	2.141.331.511	248.024.602	593.217.178	25.456.120.428
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong năm	10.104.100.281	12.369.446.856	2.141.331.511	248.024.602	593.217.178	25.456.120.428
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	3.034.500.000	1.854.324.177	682.806.730	-	-	5.571.630.907
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	3.034.500.000	625.783.973	682.806.730	-	-	4.343.090.703
- Giảm khác	-	1.228.540.204	-	-	-	1.228.540.204
4. Số dư cuối năm	42.920.020.977	55.294.580.641	8.778.986.788	2.233.459.143	3.010.106.554	112.237.154.103
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
1. Tại ngày đầu năm	119.055.646.826	96.238.027.551	5.884.814.699	840.579.458	3.481.638.346	225.500.706.880
2. Tại ngày cuối năm	130.449.791.038	105.521.360.108	9.016.140.172	592.554.856	2.888.421.168	248.468.267.342





Đáo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI  
Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Năm 2012

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>						
1. Số dư đầu năm	47.295.045.861	144.358.452	-	160.819.200	-	47.600.223.513
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	10.350.000.000	-	-	-	-	10.350.000.000
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý, nhượng bán	10.350.000.000	-	-	-	-	10.350.000.000
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	36.945.045.861	144.358.452	-	160.819.200	-	37.250.223.513
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	-	88.369.692	-	121.606.343	-	209.976.035
2. Khấu hao trong năm	-	12.899.391	-	15.734.469	-	28.633.860
<i>Bao gồm:</i>						
- Khấu hao tăng trong năm	-	12.899.391	-	15.734.469	-	28.633.860
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>						
- Thanh lý nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	101.269.083	-	137.340.812	-	238.609.895
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</b>						
1. Tại ngày đầu năm	47.295.045.861	55.988.760	-	39.212.857	-	47.390.247.478
2. Tại ngày cuối năm	36.945.045.861	43.089.391	-	23.478.388	-	37.011.613.618

5011720-C  
CÔNG TY  
KHÔNG HỮU HẠN  
VỤ TƯ VẤN  
KẾ TOÁN  
KIỂM TOÁN  
TÀI CHÍNH  
SỐ 01



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

### 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Chi phí XDCCB dở dang	10.894.910.617	60.765.600.493
<i>Trong đó: những công trình, hạng mục lớn</i>		
+ Xí Nghiệp Hoàng Phương	27.275.000	49.793.782.583
+ Xí Nghiệp Hoàng Nhã		1.464.996.000
+ Xí Nghiệp Nuôi Trồng	21.171.033	21.171.033
+ Văn phòng công ty	9.283.605.697	9.276.059.604
+ Phần xưởng thu mua	1.562.858.887	215.591.273
- Mua sắm tài sản cố định	652.724.974	652.724.974
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.547.635.591</b>	<b>61.418.325.467</b>

### 10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND		01/01/2012 VND	
	Số lượng	Trị giá	Số lượng	Trị giá
CTy CP ĐT& PT Đô Thị Dầu Khí Cửu Long (tỷ lệ góp vốn 18,45%)	4.612.500	45.000.000.000	4.612.500	45.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>45.000.000.000</b>		<b>45.000.000.000</b>

### 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Chi phí CCDC xuất dùng có giá trị lớn	942.152.192	2.896.315.002
- Chi phí hệ thống pallet	-	982.737.440
- Chi phí bảo hiểm xe, nhà xưởng, hàng hóa	-	-
- Chi phí đánh giá ISO, BGC, IFS	-	-
- Chi phí khác	596.242.130	705.931.673
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.538.394.322</b>	<b>4.584.984.115</b>

### 12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>12.1. Vay ngắn hạn</b>	<b>1.001.744.340.552</b>	<b>1.259.232.191.735</b>
- Vay ngân hàng	381.495.280.490	807.250.388.497
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển tỉnh Sóc Trăng	35.073.749.367	37.126.968.740
Ngân Hàng NN & PT Nông Thôn	98.863.712.455	252.900.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2012

		Đơn vị tính: VND
Ngân Hàng Ngoại Thương Sóc Trăng	68.273.305.683	61.600.000.000
CN Ngân Hàng Phát Triển tỉnh Sóc Trăng	130.000.000.000	190.900.000.000
Tổng Công Ty Tài Chính Dầu Khí Việt Nam - CN Cần Thơ	-	150.000.000.000
Ngân Hàng TMCP Phương Tây - SGD Cần Thơ	3.384.513.005	3.384.817.565
Ngân Hàng Phát Triển Nhà ĐBSCL - CN Sóc Trăng	45.900.000.000	42.500.000.000
Ngân Hàng An Định - Chi nhánh Sóc Trăng	-	20.000.000.000
Ngân Hàng Công Thương - Chi nhánh Sóc Trăng	-	48.838.602.192
- <i>Vay ngân hàng bằng ngoại tệ</i>	620.249.060.062	451.981.803.238
Ngân Hàng HSBC (HKD)	-	37.628.860.170
Ngân Hàng HSBC (USD)	37.784.885.060	69.886.654.435
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển tỉnh Sóc Trăng (USD)	71.513.265.000	71.292.077.888
Ngân Hàng NN & PT Nông Thôn (USD)	317.018.262.107	124.359.218.388
Ngân Hàng Ngoại Thương Sóc Trăng (USD)	108.991.127.895	133.067.274.805
Ngân Hàng Phát Triển Nhà ĐBSCL - CN Sóc Trăng	-	11.498.805.552
Ngân Hàng Công Thương - Chi nhánh Sóc Trăng	-	4.248.912.000
Tổng Công Ty Tài Chính Dầu Khí Việt Nam	84.941.520.000	-
- <i>Vay đối tượng khác</i>	-	-
<b>12.2. Nợ dài hạn đến hạn trả</b>		
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.001.744.340.552</b>	<b>1.259.232.191.735</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>13.1. Thuế phải nộp nhà nước</b>	<b>1.255.477.065</b>	<b>862.413.311</b>
- Thuế GTGT	-	-
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế TNDN	1.225.124.399	401.530.044
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất	-	-
- Tiền thuế đất	-	-
- Các loại thuế khác	30.352.666	460.883.267
+ <i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	-	444.568.667
+ <i>Các loại thuế khác</i>	30.352.666	16.314.600
<b>13.2. Các khoản phải nộp khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.255.477.065</b>	<b>862.413.311</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Trích chi phí lãi vay	1.529.889.209	1.116.376.567
- Trích trước chi phí khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.529.889.209</b>	<b>1.116.376.567</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
- BHYT, BHXH, BHTN	301.409.184	9.523.970
- KPCĐ	101.889.658	67.998.146
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Có tức phải trả	878.440.456	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	400.436.221	1.374.724.490
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.682.175.519</b>	<b>1.452.296.566</b>

Chi tiết số dư khoản mục phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2012 là:

+ Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Sao Sài Gòn	343.000.000
+ Công Ty TNHH Phú Quý	55.000.000
+ Trợ cấp ốm đau	1.072.586
+ Khác	1.363.635
<b>Tổng cộng</b>	<b>400.436.221</b>

**16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>16.1. Vay dài hạn</b>	<b>39.394.031.574</b>	<b>48.260.910.065</b>
- Vay ngân hàng (Ngân Hàng Ngoại Thương Tỉnh Sóc Trăng)	39.394.031.574	48.260.910.065
- Vay đối tượng khác	-	-
- Trái phiếu phát hành	-	-
<b>16.2. Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.394.031.574</b>	<b>48.260.910.065</b>

**Ghi chú:**

Khoản vay dài hạn được thực hiện theo hợp đồng số 198/NHTMCPNT ngày 09/6/2011 với mục đích vay vốn là thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ để đầu tư dự án "Cải tạo, nâng cấp Nhà máy Chế biến Thủy sản Hoàng Phương". Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 19%/năm, bên vay dùng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình hoặc tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ quy định tại hợp đồng vay này. Nợ gốc được thanh toán 03 tháng/lần.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.255.763	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>4.255.763</b>	<b>-</b>

**b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	530.188.269
- Khoản hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(530.188.269)	-
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>(530.188.269)</b>	<b>530.188.269</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>18. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>							
<b>18.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu</b>							
- Số dư đầu năm nay	295.000.000.000	44.733.727.273		734.574.319	4.680.521.525	9.374.694.602	
- Tăng trong năm	-	-		-	-	5.269.951.568	
Trong đó:							
- Tăng do phát hành thêm cổ phiếu	-	-		-	-	-	
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-		-	-	5.269.951.568	
- Trích từ lợi nhuận năm trước	-	-		-	-	-	
- Tăng khác	-	-		-	-	-	
- Giảm trong năm	-	-		-	-	1.699.273.938	
Trong đó:							
- Trích lập các quỹ theo biên bản họp đại HDGD	-	-		-	-	-	
. Quỹ Đầu tư phát triển	-	-		-	-	-	
. Quỹ Dự phòng tài chính	-	-		-	-	-	
. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-		-	-	-	
. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-		-	-	-	
- Giảm khác	-	-		-	-	1.699.273.938	
- Số dư cuối năm	295.000.000.000	44.733.727.273		734.574.319	4.680.521.525	12.945.372.230	





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

### 18.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	295.000.000.000	295.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	295.000.000.000	295.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	295.000.000.000	295.000.000.000

### 18.3. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường: 10%
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

10%

501122  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN CHẾ  
 BIẾN THỦY SẢN  
 ÚT XI  
 CHẾ NHẬN  
 VÀ KIỂM TOÁN  
 PHÍA NAI

### 18.4. Cổ phiếu

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.500.000	29.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.500.000	29.500.000
+ Cổ phiếu thường	29.500.000	29.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng Cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu thường	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.500.000	29.500.000
+ Cổ phiếu thường	29.500.000	29.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

### 18.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	734.574.319	734.574.319
- Quỹ dự phòng tài chính	4.680.521.525	4.680.521.525
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.798.533.114	6.893.974.114



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

### Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

#### 18.5.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

#### 18.5.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để:

- Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

#### 18.5.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỷ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

#### 18.5.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- Chi cho các hoạt động phúc lợi cộng đồng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.





CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**19. DOANH THU**

Chỉ tiêu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>19.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- <b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.450.279.019.900</b>	<b>1.443.548.356.656</b>
+ Doanh thu xuất khẩu	1.398.820.069.443	1.381.952.968.128
+ Doanh thu nội địa	44.607.593.405	56.558.806.421
+ Doanh thu khác - vô tên	4.000.291.275	2.171.544.405
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.851.065.777	2.865.037.702
- <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>22.843.063.408</b>	<b>20.436.666.926</b>
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	238.013.826	2.398.512.796
+ Hàng bán bị trả lại	22.605.049.582	18.038.154.130
+ Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	-	-
+ Thuế TTDB	-	-
+ Thuế xuất khẩu	-	-
- <b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.427.435.956.492</b>	<b>1.423.111.689.730</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu xuất khẩu	1.375.977.006.035	1.361.516.301.202
+ Doanh thu nội địa	44.607.593.405	56.558.806.421
+ Doanh thu khác - vô tên	4.000.291.275	2.171.544.405
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.851.065.777	2.865.037.702
<b>19.2. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21.850.360.951</b>	<b>51.190.223.937</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức	16.332.697.771	18.013.808.902
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.667.372.504	22.179.734.422
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.238.335.016	9.975.082.279
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	611.955.660	1.021.598.334
<b>19.3. Thu nhập khác</b>	<b>17.776.966.803</b>	<b>2.974.743.698</b>
- Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	17.608.503.167	54.836.364
- Thu từ tiền thuê ao	-	779.090.910
- Xử lý hàng tồn kho	-	576.645.528
- Xử lý công nợ, khách hàng hủy hợp đồng	-	1.553.835.950
- Thu từ bán phế liệu và thu nhập khác	168.463.636	10.334.946

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Giá vốn của hàng hóa xuất khẩu	1.212.909.742.958	1.216.833.672.048
- Giá vốn của hàng hóa nội địa	40.146.834.065	49.771.749.650
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.253.056.577.022</b>	<b>1.266.605.421.698</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí lãi vay	118.257.314.726	111.010.297.296
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.667.799.177	22.244.728.117
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	91.516.046	1.615.993.764
- Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	-	360.540.000
- Chi phí tài chính khác	-	1.073.941
<b>Tổng cộng</b>	<b>120.016.629.949</b>	<b>135.232.633.118</b>

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	17.362.364.206	41.219.231
- Phạt chậm nộp thuế	-	3.720.134
- Chi phí khác	184.421.624	17.852.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.546.785.830</b>	<b>62.791.365</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.162.581.454	270.401.992
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.162.581.454</b>	<b>270.401.992</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chi tiêu	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.898.088.990	8.652.057.466
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	425.842.856	(5.948.037.549)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	425.842.856	45.720.138
Thu lao, lương IIDQT	210.000.000	-
Chi phí không hợp lý	173.285.224	45.720.138
CLTG cuối kỳ	42.557.632	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	(5.993.757.687)
Trong đó:	-	-
* thu nhập hoãn lại từ đánh giá CLTG chưa thực hiện các khoản phải thu cuối kỳ	-	(5.301.882.687)
* cổ tức Công Ty CP Thực Phẩm Sao Ta	-	(691.875.000)
- Tổng thu nhập chịu thuế	6.323.931.846	2.704.019.917



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
 Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2012*

*Đơn vị tính: VND*

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (10%)	632.393.185	279.401.992
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên CLTG chưa thực hiện năm 2011, đã thực hiện năm 2012	530.188.269	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(534.444.032)	530.188.269
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>5.269.951.568</b>	<b>7.851.467.205</b>

### **24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2011</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(4.255.763)	530.188.269
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(530.188.269)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>(534.444.032)</b>	<b>530.188.269</b>

### **25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

<b>Chỉ tiêu</b>	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2011</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.021.167.002.696	1.301.278.905.140
2. Chi phí nhân công	72.388.881.411	67.385.037.097
3. Chi phí dụng cụ sản xuất	6.060.872.055	8.768.880.600
4. Chi phí khấu hao TSCĐ	25.481.146.152	18.254.220.314
5. Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.531.863.498	125.963.494.703
6. Chi phí khác bằng tiền	1.942.155.781	2.907.653.684
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.325.571.921.593</b>	<b>1.524.557.591.538</b>

### **26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2011</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.269.951.568	7.851.467.205
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho CĐ sở hữu CP phổ thông	5.269.951.568	7.851.467.205
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	29.500.000	29.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	179	266



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**IV. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những thông tin tài chính khác**

Theo Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị công ty số 179/BBHQQT.01 ngày 02/05/2012, Công ty sẽ tiến hành chào bán các loại trái phiếu đang sở hữu nhằm mục đích tái cơ cấu nguồn vốn Công ty. Do đó, các khoản đầu tư tài chính được phân loại ở ở chỉ tiêu đầu tư tài chính ngắn hạn.

Khoản vay dài hạn được thực hiện theo hợp đồng số 198/NHTMCPNT ngày 09/6/2011 với mục đích vay vốn là thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ để đầu tư dự án "Cải tạo, nâng cấp Nhà máy Chế biến Thủy sản Hoàng Phương". Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 19%/năm, bên vay dùng tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình hoặc tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ quy định tại hợp đồng vay này. Nợ gốc được thanh toán 03 tháng/lần.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty không có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

**3. Thông tin về Báo cáo bộ phận:**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán doanh thu bán hàng ở trung ương và xuất khẩu, do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

Năm 2012	Doanh thu	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
<b>+ Doanh thu thuần bán hàng</b>	<b>1.424.584.890.715</b>	<b>1.253.056.577.022</b>	<b>171.528.313.693</b>
- Xuất khẩu	1.375.977.006.035	1.212.909.742.958	163.067.263.078
- Nội địa	44.607.593.405	40.146.834.065	4.460.759.341
- Vó tôm	4.000.291.275	-	4.000.291.275
<b>+ Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.851.065.777</b>	<b>-</b>	<b>2.851.065.777</b>
- Cho thuê mặt bằng	2.851.065.777	-	2.851.065.777
<b>Cộng</b>	<b>1.427.435.956.492</b>	<b>1.253.056.577.022</b>	<b>174.379.379.470</b>

**4. Tài sản và nợ phải trả tài chính:**

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên Công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ, cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên... để trình bày khoản mục này.

**5. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty:**

**a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh ( chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

**b. Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro các khoản phải thu khách hàng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.







**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

**c. Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**d. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:**

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Cộng
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>			
Phải trả cho người bán	42.344.866.066		42.344.866.066
Người mua trả tiền trước	363.223.680		363.223.680
Vay và nợ	1.001.744.340.552	39.394.031.574	1.041.138.372.126
Phải trả người lao động	6.232.719.750		6.232.719.750
Chi phí phải trả	1.529.889.209		1.529.889.209
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.682.175.519		1.682.175.519
<b>Cộng</b>	<b>1.053.897.214.776</b>	<b>39.394.031.574</b>	<b>1.093.291.246.350</b>



Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính ngắn hạn.

**f. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

**g. Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2012, Công ty có phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ nhưng sự biến động tỷ giá trong năm 2012 là không đáng kể, nên Công ty không thực hiện phân tích chi tiết này.

**h. Rủi ro về lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

**i. Độ nhạy của ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì Công ty cho rằng sự thay đổi của tỷ giá hối đoái là không đáng kể.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN ÚT XI**  
Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, Sóc Trăng

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Năm 2012*

*Đơn vị tính: VND*

**j. Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty.

**6. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán.

*Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2013*

**Người lập báo**

**Vũ Quốc Bình**

**Kế toán trưởng**

**Đỗ Thành Nhơn**

**Chủ Giám đốc**

**Nguyễn Tuấn Anh**



## **V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:**

### **1. Kiểm toán độc lập:**

Tổ chức chịu trách nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2012:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM**



Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 3 8205944; Fax: (84.8) 3 8205942;

Website: [www.aascs.com.vn](http://www.aascs.com.vn)

Xem chi tiết ý kiến của kiểm toán viên được trình bày ở mục IV báo cáo tài chính và chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.

### **2. Kiểm toán nội bộ:**

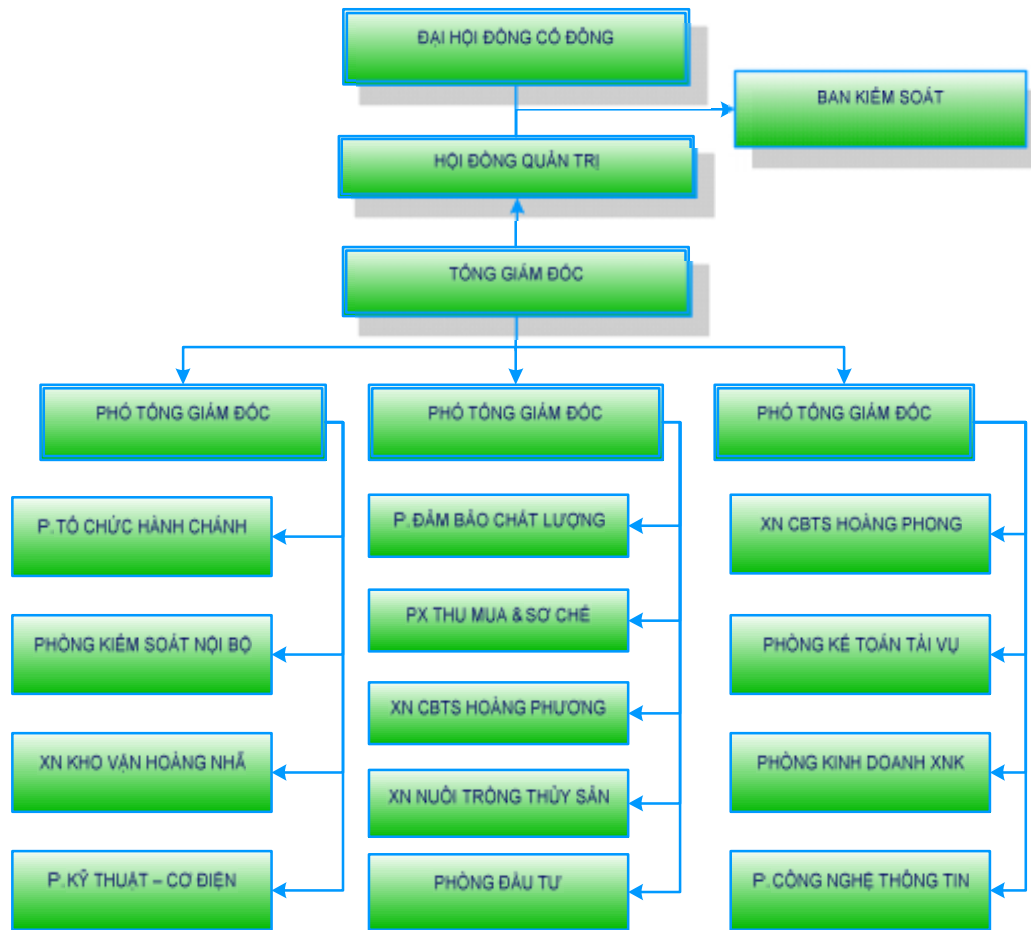
Kiểm toán viên nội bộ sau khi soát xét báo cáo tài chính do Phòng kế toán tài vụ lập gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 cũng như luồng tiền luân chuyển trong năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi cho năm tài chính 2012.

Sau khi tham khảo ý kiến của kiểm toán viên độc lập, kiểm toán viên nội bộ Công ty chấp nhận toàn bộ báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi như trình bày ở mục IV.

## **VI. Các công ty có liên quan: Không.**

## **VII. Tổ chức nhân sự:**

**Cơ cấu tổ chức:**



**Ban điều hành Công ty:**

**- Hội đồng quản trị:**

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ Học vấn	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Triệu Đông	Nam	1960	12/12	Sóc Trăng	CT.HĐQT
2	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	1968	Th.s QTKD	TP HCM	Thành viên
3	Trương Văn Phước	Nam	1959	12/12	Sóc Trăng	Thành viên
4	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	1972	12/12	Sóc Trăng	Thành viên
5	Mai Thị Hồng Nga	Nữ	1978	12/12	Sóc Trăng	Thành viên
6	Lý Bích Quyên	Nữ	1980	CN anh văn	Sóc Trăng	Thành viên

**- Ban kiểm soát:**

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Quê quán	Chức vụ
1	Trần Văn Bửu	Nam	1975	CN kinh tế	Hậu Giang	Trưởng ban
2	Lê Thanh Sơn	Nam	1959	TC pháp lý	Hậu Giang	Thành viên
3	Lê Phước Sang	Nam	1979	CN Kinh tế	Đồng Tháp	Thành viên



**- Ban tổng giám đốc và kế toán trưởng:**

Stt	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ Học vấn	Quê quán	Chức vụ
1	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	1968	Th.s QTKD	Hà Tây	Tổng giám đốc
2	Trương Văn Phước	Nam	1959	12/12	Sóc Trăng	PT giám đốc
3	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	1972	12/12	Sóc Trăng	PT giám đốc
4	Lý Bích Quyên	Nữ	1980	CN anh văn	Sóc Trăng	PT giám đốc
5	Đỗ Thành Nhơn	Nam	1978	CN kinh tế	Cà Mau	Kế toán trưởng

**\* Tóm tắt lý lịch các thành viên trong ban điều hành:**

**- Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc:**

**Họ và tên: NGUYỄN TRIỆU DŨNG**

- ♣ Giới tính: Nam;
- ♣ Ngày tháng năm sinh: 1960;
- ♣ Nơi sinh: Mỹ Xuyên, Sóc Trăng;
- ♣ Quốc tịch: Việt Nam;
- ♣ Dân tộc: Kinh;
- ♣ Địa chỉ thường trú: Số BD.01-03 KDC Minh Châu, P7, Tp. Sóc Trăng;
- ♣ Điện thoại liên lạc: 079.3660656;
- ♣ Trình độ học vấn: 12/12
- ♣ Trình độ chuyên môn: CEO
- ♣ Quá trình công tác:
  - Năm 1980 – 1994: Tham gia công tác tại Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty Thương mại Cần Thơ) với chức vụ: Trưởng trạm thu mua của các huyện Long Mỹ, Thốt Nốt.
  - 1994-02/2002: Phụ tiếp gia đình làm kinh doanh thủy sản.
  - T02/2002 - nay: Thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi, T6/2006 chuyển thành Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi
- ♣ Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi;
- ♣ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;
- ♣ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

**Họ và tên: NGUYỄN TUẤN ANH**

- ♣ Giới tính: Nam;
- ♣ Ngày tháng năm sinh: 1968;



- ✧ Nơi sinh: Chu Minh, Chu Quyển, Quốc Oai, Hà Tây;
- ✧ Quốc tịch: Việt Nam;
- ✧ Dân tộc: Kinh;
- ✧ Địa chỉ thường trú: 541/85 Huỳnh Văn Bánh, Q.Phú Nhuận, Hồ Chí Minh;
- ✧ Điện thoại liên lạc: 079.3852950
- ✧ Trình độ học vấn: 12/12;
- ✧ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, cử nhân anh văn, nga văn;
- ✧ Quá trình công tác:
- Năm 1991 - 1994: Công tác ở Công ty Liên doanh khách sạn Embassy
  - Năm 1995 - 2003: Phó phòng nghiệp vụ Ngân hàng CALYON
  - T08/2003 – 09/2009: Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi.
  - T09/2009 – nay: Tổng Giám Đốc Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi
- ✧ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị;  
Tổng giám đốc Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi;
- ✧ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;
- ✧ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

**Họ và tên: TRƯƠNG VĂN PHƯỚC**

- ✧ Giới tính: Nam;
- ✧ Ngày tháng năm sinh: 1959;
- ✧ Nơi sinh: Mỹ Xuyên, Sóc Trăng;
- ✧ Quốc tịch: Việt Nam;
- ✧ Dân tộc: Kinh;
- ✧ Địa chỉ thường trú: 85A, Quốc lộ 1, P.2, Tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- ✧ Điện thoại liên lạc: 079.3660565;
- ✧ Trình độ học vấn: 12/12
- ✧ Trình độ chuyên môn: CEO
- ✧ Quá trình công tác:
- Năm 1980 – 1994: Tham gia công tác tại Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (Công ty Thương mại Cần Thơ) với chức vụ là Cán bộ Trạm Giao dịch của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh.
  - T02/2002 - nay: Cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi; T6/2006 chuyển thành Công ty CP CBTS Út Xi
- ✧ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi;  
Phó tổng giám đốc Công ty.



- ✧ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;  
✧ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

**Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG**

- ✧ Giới tính: Nam;  
✧ Ngày tháng năm sinh: 1972;  
✧ Nơi sinh: Mỹ Xuyên, Sóc Trăng;  
✧ Quốc tịch: Việt Nam;  
✧ Dân tộc: Kinh;  
✧ Địa chỉ thường trú: 35 Lý Đạo Thành, P.6, Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;  
✧ Điện thoại liên lạc: 079.3660565;  
✧ Trình độ học vấn: 12/12  
✧ Trình độ chuyên môn: CEO  
✧ Quá trình công tác:  
- Năm 1991 – 2001: Học phổ thông xong phụ giúp gia đình trong công tác kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân Út Xi.  
- T02/2002 – nay: Góp vốn thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi; T6/2006 chuyển thành Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi  
✧ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi;  
Phó tổng giám đốc Công ty;  
Giám đốc Xí nghiệp chế biến thủy sản Hoàng Phương.  
✧ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;  
✧ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

**Họ và tên: MAI THỊ HỒNG ANH**

- ✧ Giới tính: Nữ;  
✧ Ngày tháng năm sinh: 1978;  
✧ Nơi sinh: Tp Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;  
✧ Quốc tịch: Việt Nam;  
✧ Dân tộc: Kinh;  
✧ Địa chỉ thường trú: 07B Ngô Quyền, P.1, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng;  
✧ Điện thoại liên lạc: 079.3660565;  
✧ Trình độ học vấn: 12/12  
✧ Trình độ chuyên môn:  
✧ Quá trình công tác: - Năm 1997: Sau khi học phổ thông, lập gia đình về ở



bên chồng, phụ tiếp gia đình làm kinh doanh thủy sản.

- T02/ 2002 – nay: Cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi; T6/2006 chuyển thành Công ty CP Chế biến thủy sản Út Xi

- ⌘ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi; Thủ quỹ Công ty.
- ⌘ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;
- ⌘ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

**Họ và tên: LÝ BÍCH QUYÊN**

- ⌘ Giới tính: Nữ;
- ⌘ Ngày tháng năm sinh: 1980;
- ⌘ Nơi sinh: Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- ⌘ Quốc tịch: Việt Nam;
- ⌘ Dân tộc: Kinh;
- ⌘ Địa chỉ thường trú: 07B Ngô Quyền, P.1, Tp.Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng;
- ⌘ Điện thoại liên lạc: 079.3660565;
- ⌘ Trình độ học vấn: 12/12
- ⌘ Trình độ chuyên môn: Cử nhân anh văn
- ⌘ Quá trình công tác: - 2005 – nay: Công tác tại Công ty CP Chế biến thủy sản Út Xi
- ⌘ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi; Phó tổng giám đốc Công ty.
- ⌘ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;
- ⌘ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

**- Ban kiểm soát:**

**Họ và tên: TRẦN VĂN BỬU**

- ⌘ Giới tính: Nam;
- ⌘ Ngày tháng năm sinh: 02/12/1975;
- ⌘ Nơi sinh: Lương Nghĩa, Long Mỹ, Hậu Giang;
- ⌘ Quốc tịch: Việt Nam;
- ⌘ Dân tộc: Kinh;
- ⌘ Địa chỉ thường trú: Số 23 LK36 đường số 8, khu đô thị 5a, P4, Tp S.Trăng;





☞ Điện thoại liên lạc: 079.3852671;  
☞ Trình độ học vấn: 12/12  
☞ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán tổng hợp;  
☞ Quá trình công tác: - Năm 2001- 06/2006: Công tác tại Cty CP Cơ khí & Xây lắp Điện Bạc Liêu với chức vụ: Kế Toán Tổng Hợp.  
- T06/2006 - nay: Công tác tại Công ty CP CBTS Út Xi.  
☞ Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm Soát;  
Trưởng phòng KSNB Cty CP CBTS Út Xi.  
☞ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;  
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

**Họ và tên: LÊ THANH SON**

☞ Giới tính: Nam;  
☞ Ngày tháng năm sinh: 1959;  
☞ Nơi sinh: Thốt Nốt, Cần Thơ;  
☞ Quốc tịch: Việt Nam;  
☞ Dân tộc: Kinh;  
☞ Địa chỉ thường trú: 4/48 huyện Thanh Quan, P.Thới Bình, Q.Ninh Kiều, Cần Thơ;  
☞ Điện thoại liên lạc: 079.3660676;  
☞ Trình độ học vấn: 12/12  
☞ Trình độ chuyên môn: Trung cấp pháp lý;  
☞ Quá trình công tác: - Năm 1977 – 1982: Đi bộ đội công tác ở tỉnh Kam Pông Chơ Năng, Campuchia;  
- T10/1982: Phục viên về công tác ở Công ty Nông sản thực phẩm tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty Thương mại Cần Thơ) với chức vụ là Cán bộ Phòng Tổ chức hành chính Công ty.  
- Năm 1995: Xin nghỉ và về công tác tại địa phương;  
- Năm 2000 – 2002: Công tác tại Phòng Kế hoạch của Công ty Giày Cần Thơ;  
- T07/2002 - nay: Công tác tại Phòng Tổ chức Công ty Chế biến Thủy sản Út Xi.  
☞ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát;  
Trưởng phòng TCHC Cty CP CBTS Út Xi.  
☞ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;  
☞ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;



**Họ và tên: LÊ PHƯỚC SANG**

- ✎ Giới tính: Nam;
- ✎ Ngày tháng năm sinh: 02/12/1980;
- ✎ Nơi sinh: Phong Hòa, Lai Vung, Đồng Tháp;
- ✎ Quốc tịch: Việt Nam;
- ✎ Dân tộc: Kinh;
- ✎ Địa chỉ thường trú: Số 25-24 LK36 đường số 8, KĐT 5a, P4, Tp S.Trăng;
- ✎ Điện thoại liên lạc: 079.3852671;
- ✎ Trình độ học vấn: 12/12;
- ✎ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán tổng hợp;
- ✎ Quá trình công tác:
- T09/2001 - 12/2002: Kế toán trưởng Cty TNHH Chế biến Thủy sản Bạc Liêu.
  - T 01/2002 - 04/2004: Phó Phòng Kế toán Cty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi; Kế toán trưởng Công ty TNHH XD & TM Minh Châu.
  - T04/2004 - 10/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH XD&TM Minh Châu.
  - T11/2007 - 03/2008: Trợ lý Giám đốc Công ty TNHH XD&TM Minh Châu; Kế toán trưởng Cty CP ĐT & PT Đô thị Dầu khí Cửu Long.
  - T04/2008 - đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Cty CP CBTS Út Xi; Kế toán trưởng Cty CP ĐT&PT Đô thị Dầu khí Cửu Long.
- ✎ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát;  
Kế toán trưởng Cty CP ĐT & PT Đô thị Dầu khí Cửu Long.
- ✎ Hành vi vi phạm pháp luật: Không;
- ✎ Quyền lợi mâu thuẫn với Cty: Không;

Quyền lợi Ban tổng giám đốc: Ban tổng giám đốc hưởng lương hàng tháng theo quy chế tiền lương của Công ty được phê duyệt bởi Hội đồng quản trị và tiền thưởng được hưởng theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi quyết toán năm.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại ngày 31/12/2012: 1.224 nhân sự, với trình độ chuyên môn như sau:



<b>Stt</b>	<b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
1	Trình độ đại học trở lên:	118	9,64%
2	Trình độ trung cấp và tương đương:	137	11,19%
3	Công nhân có tay nghề chế biến thủy sản:	620	50,65%
4	Công nhân đang học nghề, thử việc:	349	28,51%
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.224</b>	<b>100%</b>

### ***Chính sách đào tạo:***

Trong nền kinh tế tri thức, một trong những yếu tố tiên quyết đến sự thành công của doanh nghiệp là con người. Nhận thức được điều này, Công ty Út Xi xem công tác đào tạo và chính sách thu hút người lao động có tay nghề, chuyên môn cao là mục tiêu xuyên suốt đồng hành cùng doanh nghiệp.

Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập nâng cao tay nghề, hiểu được tầm quan trọng của mình đối với công việc, ý thức được công việc của mình từ đó tránh những động tác thừa, tăng năng suất lao động mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

Công ty Út Xi thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo tại doanh nghiệp và bên ngoài như: tổ chức triển khai huấn luyện công nhân sản xuất các sản phẩm mới, đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng: HACCP, ISO 9001: 2000, BRC (phiên bản 4), ISO 14001: 2004, ISO 22000:2005 .v.v... Ngoài ra Công ty thường xuyên cử cán bộ chuyên môn tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn bên ngoài nhằm hoàn thiện và cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn ngày một hiệu quả.

### ***Chính sách lương, thưởng***

Như đã đề cập ở trên, con người là nhân tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp, do đó muốn giữ được người có tay nghề, chuyên môn tốt nhất là người giỏi, Công ty có chính sách đãi ngộ thông qua tiền lương, thưởng trả cho người lao động.

Công ty Út Xi trả lương theo sản phẩm làm ra, tạo sự công bằng cho người lao động. Cho nên, không người lao động nào có thể dựa dẫm hoặc ăn theo người khác, tạo ra tính cạnh tranh nâng cao năng suất trong sản xuất. Mức thu nhập bình quân của người lao động qua các năm:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2012</b>
Thu nhập bình quân/ tháng (VNĐ)	2.030.000	2.350.000	2.650.000	2.700.000

Ngoài những khoảng thu nhập từ lương, Người lao động còn được Công ty bố trí nhà tạm thể, và hỗ trợ tiền nhà trọ cho những lao động làm việc từ 1 năm trở lên, Công ty hỗ trợ một phiếu ăn trưa cho người lao động làm việc trong ngày.



Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học tập nâng cao tay nghề, hiểu được tầm quan trọng của mình đối với công việc, ý thức được công việc của mình từ đó tránh những động tác thừa, tăng năng suất lao động mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp.

## **VIII. Thông tin cổ đông và Hội đồng quản trị:**

### **1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi được nêu ở mục VII, các thành viên không trực tiếp điều hành Công ty gồm:

- |                      |                               |
|----------------------|-------------------------------|
| 1. Nguyễn Triệu Đông | Chủ tịch Hội đồng quản trị;   |
| 2. Mai Thị Hồng Nga  | Thành viên hội đồng quản trị; |
| 3. Trần Văn Bửu      | Trưởng Ban kiểm soát;         |
| 4. Lê Thanh Sơn      | Thành viên Ban kiểm soát;     |
| 5. Lê Phước Sang     | Thành viên Ban kiểm soát.     |

### **- Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị công ty luôn giữ đúng các cuộc họp định kỳ và bất thường theo quy định điều lệ công ty.

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị tổ chức 10 phiên họp diễn ra từ tháng 05/2012 đến tháng 05/2013, nội dung gồm:

1. Thông qua phương hướng hoạt động và sản xuất kinh doanh năm 2013.
2. Thông qua việc xây dựng hạn mức tín dụng của Công ty năm 2013, 2014 đối với các Ngân hàng thương mại. Quyết định về việc ủy quyền cho Tổng giám đốc công ty ký các hợp đồng tín dụng trong năm 2013 với các Ngân hàng thương mại và quỹ đầu tư chi nhánh Sóc Trăng và các nơi khác.
3. Xem xét kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từng quý, đồng thời đưa ra phương hướng và biện pháp thúc đẩy tăng trưởng hoạt động trong năm. Xem xét và đánh giá về việc thực hiện công tác điều hành của Tổng giám đốc và cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
4. Thông qua các quyết định liên quan đến chính sách về lao động và tiền lương trong toàn công ty, theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành.
5. Thông qua dự thảo báo cáo tài chính và xét việc phân phối lợi nhuận năm 2012.
6. Xem xét và thông quan phương án cơ cấu nguồn vốn cho phù hợp với hoạt động đầu tư và sản xuất ở đơn vị.
7. Thông qua phương án thanh lý một số tài sản cố định không sinh lợi nhằm cơ cấu lại nguồn vốn, bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất.
8. Quyết định việc bổ nhiệm lại ông Nguyễn Tuấn Anh giữ chức tổng giám đốc công ty và kiện toàn bộ máy lãnh đạo của Hội đồng quản trị.
9. Cử cán bộ công ty đi làm việc với khách hàng ở Hoa Kỳ, duy trì mối quan hệ và xúc tiến thương mại sản phẩm Út Xi ở thị trường tiềm năng này.

### **- Hoạt động của Ban kiểm soát:**



Ban kiểm soát Công ty gồm có 03 (ba) thành viên được Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền giám sát tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc Công ty trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh theo nghị quyết đại hội đồng thông qua hàng năm.

Sau đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát tổ chức công tác giám sát định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm cụ thể như sau:

**\* Về hoạt động kinh doanh:**

- Kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty, thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý;
- Giám sát việc thực hiện các quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát tính pháp lý các giao dịch kinh tế, dân sự của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh.

**\* Về hoạt động tài chính và đầu tư:**

- Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, đầu tư, mua sắm tài sản, các vấn đề về cổ phần và các vấn đề khác có liên quan của Công ty;
- Thẩm tra báo cáo tài chính; phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ theo quy định của điều lệ;
- Giám sát các giao dịch kinh tế, dân sự liên quan đến lĩnh vực tài chính, đầu tư.

**\* Về tổ chức nhân sự:**

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật lao động và các chế độ đối với người lao động của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác trong Công ty để đảm bảo công việc bổ nhiệm, miễn nhiệm được thực hiện đúng theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**\* Các vấn đề khác:** Theo Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

Tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền Ban kiểm soát giám sát được Trưởng ban báo cáo lên Hội đồng quản trị trước khi trình cho Cổ đông.

Trong năm 2012, Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp nào trong quản trị điều hành Công ty vi phạm Điều lệ Công ty và Pháp luật.

**Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty:**

Thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2012:



Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
<b>I. Hội đồng quản trị:</b>			
1	Nguyễn Triệu Đồng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	84.000.000
2	Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000
3	Trương Văn Phước	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000
4	Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000
6	Mai Thị Hồng Nga	Thành viên Hội đồng quản trị	48.000.000
5	Lý Bích Quyên	Thành viên Hội đồng quản trị	32.000.000
<b>Cộng:</b>			<b>308.000.000</b>
<b>II. Ban kiểm soát:</b>			
1	Trần Văn Bửu	Trưởng ban kiểm soát	36.000.000
2	Lê Thanh Sơn	Thành viên kiểm soát	24.000.000
3	Lê Phước Sang	Thành viên kiểm soát	24.000.000
<b>Cộng</b>			<b>84.000.000</b>
<b>Tổng cộng:</b>			<b>392.000.000</b>

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị:

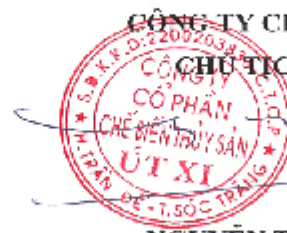
Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần Nắm giữ	Tỷ lệ Nắm giữ
1. Nguyễn Triệu Đồng	Chủ tịch HĐQT	5.930.000	20,10%
2. Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	30.970	0,10%
3. Trương Văn Phước	Thành viên HĐQT	1.491.176	5,05%
4. Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	2.950.000	10,00%
5. Mai Thị Hồng Nga	Thành viên HĐQT	1.491.176	5,05%
6. Lý Bích Quyên	Thành viên HĐQT	54.099	0,18%
<b>Tổng cộng:</b>		<b>11.947.421</b>	<b>40,50%</b>

Thông tin giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan các đối tượng nói trên.

Không có.

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 04 năm 2012

**CÔNG TY CP CBTS ÚT XI**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



**NGUYỄN TRIỆU ĐỒNG**